TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ - TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/DS-ST
Ngày 18/8/2022
"V/v Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ - TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Yến Ngọc.

Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Đông Phong.

2. Bà Trần Thị Bích Vân.

Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên toà: Ông Phạm Hồng Phong.

Ngày 18 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2022/TLST-DS ngày 21/01/2022 về việc "Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Đoàn Thị T, sinh năm 1962. Địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. *Có mặt tại phiên tòa.*

* *Bị đơn:* Bà Vũ Thị N, sinh năm 1958. Địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. *Có mặt tại phiên tòa.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Theo đơn khởi kiện ngày 04/01/2022, bản tự khai ngày 04/01/2022, các biên bản hòa giải ngày 15/4/2022, ngày 18/7/2022 và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Đoàn Thị T trình bày: Bà T và bà N cùng buôn bán nhỏ tại chợ Đ, bà T có tham gia chơi hụi do bà N làm chủ hụi. Theo luật chơi hụi thì đúng 12 tháng được rút tiền, nếu cần tiền trước hạn thì phải nộp được 6 tháng trở lên. Mỗi chân hụi 1.000.000đ/tháng thì phải nộp 28.000 đồng/ngày, còn rút trước hạn thì phải nộp cho chủ hụi 34.000 đồng/ngày. Bà T đã tham gia chơi hụi với bà N 5 lần, mỗi lần 2 chân hụi, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 10/9/2020 tham gia chơi 2 chân, mỗi ngày đóng cho bà N 56.000đ, đến tháng 3 năm 2021 rút trước hạn với số tiền 20.224.000đ nên hôm sau đóng lại hụi chết 68.000đ/ngày. Hết hạn bà T lại vô tiếp 2 chân và đóng 56.000đ/ngày.

Lần 2: Ngày 16/10/2020, bà tham gia chơi 02 chân hụi, đóng 56.000 đồng/ngày, đến tháng 5/2021, bà rút trước hạn với số tiền 21.680.000 đồng. Vì rút trước hạn nên hôm sau bà đóng lại 68.000 đồng/ngày đến hết ngày 16/10/2021 là hết hạn nhưng vì bà quên đã tới hạn nên bà N vẫn thu tiền, đến khi nhớ lại thì bà N đã thu của bà vượt quá 31 ngày, sau khi trao đổi thì bà N đã trả lại bà số tiền 1.736.000 đồng, bà không đồng ý vì số tiền dư là 2.108.000 đồng nên bà N còn thiếu bà số tiền 372.000 đòng. Hiện bà vẫn còn giữ giấy bà N đưa.

Lần 3: Ngày 12/11/2020, bà tham gia chơi 02 chân, đóng 56.000 đồng/ngày, đến tháng 7/2021, bà rút trước hạn với số tiền 22.000.000 đồng. Vì rút trước hạn nên hôm sau bà đóng lại là 68.000 đồng/ngày đến hết ngày 12/11/2021 là hết hạn nhưng bà N thu của bà đến ngày 16/11/2021 thì dư ra 04 ngày, bà N đã trả lại bà số tiền dư 04 ngày là 280.000 đồng.

Khi nhận tiền chơi hụi lần thứ 3 ngày 12/11/2021, bà đã ký nhầm sang dòng dưới của ngày 02/01/2021, còn ngày 12/11/2021 hiện bà chưa ký nhận.

Lần 4: Ngày 02/01/2021, bà tham gia chơi 02 chân, đóng 56.000 đồng/ngày, hiện chưa nhận tiền mà bà N nói bà đã rút tiền vào tháng 09/2021 trong khi đó tháng 09/2021 bà rút 02 chân chơi của lần 1 của ngày 10/9/2020. Đó là điều vô lý vì một lần chơi không thể cho nhận 2 lần tiền. Bà chỉ nhận một lần tiền của 2 chân lần thứ 1 là 20.224.000 đồng. Bà yêu cầu đem cuốn sổ ra để đối chiếu thì bà N không đưa.

Lần 5: Bà tham gia chơi 2 chân hụi ngày 20/6/2021, đóng 56.000 đồng/ngày. Vì cần tiền nên bà đề nghị rút trước hạn và chỉ lấy tiền gốc, bà N yêu cầu rút trước hạn thì phải trả lại 45 ngày trong tháng 01 và trả lại 3.060.000 đồng, bà N bắt bà phải trả mới cho nhận tiền của ngày 20/6/2021 nên bà đành đồng ý. Sau đó bà N mang cuốn sổ ra để ký và nhận 10.000.000 đồng, khi thấy cuốn sổ đó bà mới phát hiện ngày 12/11/2021 không có chữ ký của bà mà ký nhầm của dòng của ngày 02/01/2022. Bà liền nói thì bà N giấu cuốn sổ đó và không đưa ra cho bà xem để xác nhận, nếu đúng thì bà N đã đưa cuốn sổ cho bà xem rồi.

Như vậy, bà đã tham gia chơi tổng cộng 10 chân hụi với bà N. Tính đến nay bà N còn thiếu của bà 19.152.000 đồng của lần chơi hụi thứ 4, thiếu 372.000 đồng của lần chơi thứ 2 và 3.060.000 đồng mà bà N bắt bà phải đưa cho bà N thì bà mới cho nhận tiền của lần chơi thứ 4. Việc bà N chưa đưa tiền hụi cho bà trong chợ nhiều người biết nhưng không ai chịu làm chứng. Như vậy tổng cộng số tiền bà N còn giữ của bà là 22.574.000đ (Hai mươi hai triệu năm trăm bảy mươi tư nghìn đồng). Vì vậy, bà yêu cầu bà N phải trả cho bà số tiền này.

Tại phiên tòa bà Đoàn Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bà yêu cầu Tòa án buộc bà Vũ Thị N phải trả cho bà số tiền 22.574.000đ (Hai mươi hai triệu năm trăm bảy mươi tư nghìn đồng).

[2]. Bị đơn là bà Vũ Thị N trình bày tại bản tự khai ngày 25/01/2022, các biên bản hòa giải ngày 15/4/2022, ngày 18/7/2022, biên bản lấy lời khai ngày 18/7/2022 và tại phiên tòa như sau:

Bà và bà N có chơi hụi với nhau từ năm 2020. Bà T có đóng hụi với bà 05 đợt như sau: Ngày 16/10/2020, bà T đóng 02 chân, ngày 17/5/2021 đã giao hết; Ngày 12/11/2020, bà T đóng 02 chân, ngày 16/7/2021 đã giao hết; Ngày 02/01/2021, bà T đóng 02 chân, ngày 12/9/2021 đã giao hết; Ngày 20/6/2021, bà T đóng 02 chân, ngày 28/11/2021 đã giao hết; Ngày 10/9/2021, bà T đóng 02 chân đến ngày 11/11/2021, bà T nói là không muốn chơi nữa nên bà đã trả lại cho bà T 03 đợt là 06 chân như sau:

- Ngày 10/9/2021; 16/10/2021 và 12/11/2021 với tổng số tiền là 5.768.000 đồng (Năm triệu bảy trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

Còn lại 02 đợt là 02/01/2021 đã giao ngày 12/9/2021 và ngày 20/6/2021 lúc đó chưa giao. Đến ngày 28/11/2021, bà T nói là cho bà T hốt hụi ngày 20/6/2021 thì bà nói nếu hốt là phải trả lại cho bà 2.900.000 đồng của hụi tháng 01 thì bà T đồng ý và bà đã tính và trừ ra 2.900.000 đồng. Số tiền của hụi ngày 20/6/2021 là 9.698.000 đồng – 2.900.000 đồng = 6.798.000 đồng, bà đã giao cho bà T. Các lần chơi hụi và hốt hụi, bà đều ghi sổ sách đầy đủ. Bà ghi vào 02 cuốn số, 01 sổ lớn và 01 sổ nhỏ. Sổ nhỏ là bà sang từ sổ lớn qua, bà T đều đã ký nhận đầy đủ khi hốt hụi. Như vậy, đến nay giữa bà và bà T không còn dính líu gì về tiền bạc nữa. Lý do bà không đưa sổ ra cho bà T xem lúc đó là vì trong sổ còn có nhiều người liên quan đến công việc làm ăn của bà nên bà sợ nếu đưa sổ ra thì bà T xé sổ. Bà N giao tiền cho bà T nhiều người trong chợ biết nhưng không ai chịu đứng ra làm chứng. Bà N đã thanh toán đầy đủ cho bà T cho nên giữa bà và bà T không còn dính líu gì với nhau, bà N hoàn toàn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại phiên tòa bà N vẫn giữ nguyên ý kiến của mình, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

[3]. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 15/4/2022 và ngày 18/7/2022 các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm: 01 Đơn khởi kiện của bà Đoàn Thị T, đề ngày 04/01/2022 (bản chính); 05 Giấy viết tay có nội dung tính toán tiền (bản pho to); 01 Căn cước công dân (Bản sao); 01 Sổ hộ khẩu (Bản sao); 01 Bản tự khai của bà Đoàn Thị T đề ngày 21/01/2022. Các tài liệu, chứng cứ do bị đơn cung cấp gồm: 02 Giấy viết tay có nội dung tính toán tiền, viết bằng mực bút bi xanh, mỗi giấy đều chỉ có 01 mặt, phía trên cùng có ghi "T Nghĩa" (Bản gốc); 01 Bản tự khai của bà Vũ Thị N đề ngày 25/01/2022. Các tài

liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: biên bản lấy lời khai của bà Đoàn Thị T và biên bản lấy lời khai của bà Vũ Thị N ngày 18/7/2022.

[4]. Tại phiên tòa ý kiến của Kiểm sát viên: Trong quá trình giải quyết vụ án cho đến trước khi nghị án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn và bị đơn đều thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về điều luật áp dụng: Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 280 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Về nội dung của vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị T.

Về án phí: Buộc bà Đoàn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Đoàn Thị T có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai giải quyết tranh chấp về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền đối với bà Vũ Thị N. Do bà Vũ Thị N có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại tổ dân phố 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. Xét về nội dung vụ án: Qua lời khai của nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa và các chứng cứ do các đương sự cung cấp đã có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận:

Bà T cho rằng từ tháng 10/2020 đến tháng 6/2021 bà có chơi 10 chân hụi với bà N là chủ hụi, cụ thể 5 lần, mỗi lần 2 chân, mỗi chân một triệu đồng vào ngày 10/9/2020, ngày 16/10/2020, ngày 12/11/2020, ngày 02/01/2021 và ngày 20/6/2021. Tuy nhiên tính đến nay bà N còn thiếu của bà 19.152.000 đồng của lần chơi hụi thứ 4, thiếu 372.000 đồng của lần chơi thứ 2 và 3.060.000 đồng mà bà N bắt bà phải đưa cho bà N thì bà mới cho nhận tiền của lần chơi thứ 4, tổng cộng số tiền bà N còn giữ của bà là 22.574.000đ (Hai mươi hai triệu năm trăm bảy mươi tư nghìn đồng. Vì vậy, bà T yêu cầu bà N phải trả cho bà số tiền này. Còn bà N thì cho rằng bà đã thanh toán đủ số tiền hụi cho bà T, không còn dính líu gì nữa.

Việc tham gia chơi hụi giữa bà T và bà N thực tế có xảy ra, đôi bên thỏa thuận hụi có lãi và chủ hụi được hưởng hoa hồng trên những lần mở hụi. Tuy nhiên

giữa hai bên không có giấy tờ gì thể hiện rõ ràng số người tham gia chơi hụi và số tiền phải thanh toán cho nhau. Bà N không thừa nhận yêu cầu của bà T mà cho rằng đã thanh toán đủ cả 10 chân hụi cho bà T.

Bà T khởi kiện bà N yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền nhưng không cung cấp được giấy tờ, chứng cứ gì ghi nhận việc bà N nợ tiền, phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Mặt khác bà T cho rằng chưa ký nhận chân hụi ngày 02/01/2021 nhưng trong giấy do bà T cung cấp (Bút lục số 49) có ghi "2/1 nộp hết ngày 16/11 còn 1 tháng 15 ngày: 45 ngày x 68 = 3.060.000...", việc bà T phải đóng 68.000đ/ngày chứ không phải là 56.000đ/ngày chứng tỏ là bà đã hốt chân hụi ngày 02/01. Các giấy tờ có chữ của bà N mà bà T đưa ra đều không thể hiện việc bà N có nợ tiền bà T, do đó yêu cầu khởi kiện của bà T không có có sở để chấp nhận.

[3]. Xét về án phí: Trong vụ án này nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật đối với yêu cầu không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 280 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Xử:

[1]. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị T.

[2]. Về án phí:

Áp dụng khoản 1 Điều 147; khoản 3 Điều 144 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Buộc bà Đoàn Thị T phải chịu 1.128.700đ (Một triệu một trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 564.350 đồng (Năm trăm sáu mươi bốn nghìn ba trăm năm mươi đồng) bà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004049 ngày 21/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Bà T còn phải nộp 564.350 đồng (Năm trăm sáu mươi bốn nghìn ba trăm năm mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[3]. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

[4]. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trịnh Thị Yến Ngọc